

Bài 9

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI NGUYÊN THUỶ TRÊN ĐẤT NƯỚC TA

(1 tiết)

I – Mục tiêu bài học

1. Về kiến thức

Giúp HS :

- Hiểu được ý nghĩa quan trọng của những đổi mới trong đời sống vật chất của người nguyên thuỷ thời Hoà Bình – Bắc Sơn.
- Ghi nhận tổ chức xã hội đầu tiên của người nguyên thuỷ và ý thức nâng cao đời sống tinh thần của họ.

2. Về tư tưởng, tình cảm

Bồi dưỡng cho HS ý thức về lao động và tinh thần cộng đồng.

3. Về kĩ năng

Tiếp tục bồi dưỡng kĩ năng nhận xét, so sánh.

II – Những điều cần lưu ý

Khác với bài 8, nội dung của bài này chủ yếu nói về cuộc sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ ở thời Hoà Bình – Bắc Sơn – Hạ Long. Để đạt được những mục tiêu đặt ra, dù ở mức đơn giản, sơ bộ, GV cũng cần lưu ý :

1. Tính đa dạng của bài học.
2. Những chuyển biến lớn của đời sống vật chất... SGK đã trình bày một số điểm, trong đó nhấn mạnh và giải thích hai điểm :
 - Loại hình, nguyên liệu chế tác công cụ, đồ dùng ngày càng phong phú (chú ý việc phát minh ra nghề làm đồ gốm).
 - Trong lao động sản xuất, con người đã vượt qua được thời kì hái lượm, tức là thời kì gần như hoàn toàn dựa vào tự nhiên, để bước sang thời kì mới. Họ đã biết trồng trọt, chăn nuôi (có thể xem đó là những phát minh rất quan trọng vì đó là điểm xuất phát của mọi sự đổi mới sau này).
3. Mối quan hệ giữa sự phát triển của lao động sản xuất (hay đời sống vật chất nói chung) với các hoạt động xã hội, tinh thần.

Cuộc sống của con người được đảm bảo hơn ; hình thành cuộc sống định cư và từ đó nảy sinh những nhu cầu mới về tổ chức xã hội. Những người có cùng quan hệ lâu dài với nhau, cùng huyết thống đã họp nhau lại thành một nhóm riêng cùng sống trong một hang động hay mái đá, hoặc trong một vùng nhất định nào đó. Nhóm người đó gọi là thị tộc. Đó là tổ chức xã hội đầu tiên của loài người. Nhưng đã là một thị tộc thì phải có người đứng đầu, chỉ huy. Bấy giờ, do vị trí quan trọng của người phụ nữ – trong sản xuất cũng như trong quan hệ giữa người với người – người mẹ lớn tuổi nhất được xem là chủ đứng đầu thị tộc. Thời kì thị tộc mẫu hệ (hay mẫu quyền) đã được hình thành như vậy.

Đây cũng là thời kì con người quan tâm đến đời sống tinh thần, thể hiện ở việc làm đẹp bản thân (biết dùng đồ trang sức) và thái độ đối với người chết.

III – Gợi ý về tiến trình thực hiện bài học

1. Giới thiệu bài mới

Nhắc lại các thời điểm đã nêu ở bài trước, từ đó chuyển ngay vào bài mới : tìm hiểu cuộc sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ thời Hoà Bình – Bắc Sơn – Hạ Long.

2. Thiết bị và tài liệu cần cho bài học

Chủ yếu là tranh ảnh, hiện vật phục chế (nếu có) liên quan đến nội dung bài học.

3. Các bước thực hiện bài học

a) Dạy và học bài mới

Mục 1 – Đời sống vật chất

Người thời Hoà Bình – Bắc Sơn – Hạ Long đã sống, lao động và sản xuất như thế nào ?

GV giảng theo SGK và dẫn dắt HS đến thời Hoà Bình – Bắc Sơn – Hạ Long.

GV có thể đặt câu hỏi (qua kênh chữ và các hình ảnh, hiện vật phục chế) : "Em hãy nêu những công cụ, đồ dùng mới. Trong số này, công cụ, đồ dùng nào là quan trọng nhất ?" (Trả lời : rìu mài lưỡi và đồ gốm, có thể thêm lưỡi cuốc đá).

GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi theo SGK (làm đồ gốm là một phát minh quan trọng vì phải phát hiện được đất sét, qua quá trình nhào nặn thành các đồ đựng, rồi đem nung cho khô cứng).

Đặt câu hỏi về ý nghĩa quan trọng của kĩ thuật mài đá (riu mài) và đồ gốm (tăng thêm nguyên liệu và loại hình đồ dùng cần thiết).

GV giảng tiếp theo SGK : từ công cụ sản xuất đến việc phát minh trống trọt, chăn nuôi và nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của những phát minh này (con người tự tạo ra lương thực, thức ăn cần thiết).

Cuối cùng, GV giới thiệu về nơi ở của người nguyên thuỷ.

Mục 2 – Tổ chức xã hội

GV nhắc lại bầy người nguyên thuỷ ở thời kì đầu (bài 3).

Tiếp đó, GV giảng theo SGK và tự đặt câu hỏi : "Tại sao chúng ta biết được người thời bấy giờ đã sống định cư lâu dài ở một nơi ?" (hang động có lớp vỏ ốc dày 3 – 4m...), tất nhiên thành từng nhóm.

Số người ngày càng đông hơn và có quan hệ với nhau, GV dẫn chứng và so sánh với gia đình hiện nay. Tiếp theo, GV đề cập đến nhu cầu về người chỉ huy chung, tổ chức. Từ đây, GV có thể ghi bảng theo hai cột :



GV giải thích thêm và nhấn mạnh : đây là xã hội có tổ chức đầu tiên.

Mục 3 – Đời sống tinh thần

Qua các hình ảnh (GV tự sưu tầm hoặc trong SGK), GV đặt câu hỏi : có những loại hình nào, dùng làm gì ? (để trang sức)

GV có thể đặt những câu hỏi nhỏ về điều kiện ra đời, trên cơ sở liên hệ với hiện tại.

Cần nhấn mạnh hoàn cảnh mới của đời sống vật chất xã hội tạo điều kiện cho sự hình thành nhu cầu trang sức và khả năng đáp ứng nhu cầu đó.

GV có thể đặt câu hỏi về mối quan hệ giữa người sống và người chết. Tại sao người ta lại chôn cất người chết cẩn thận ?

Việc chôn theo người chết lười cuốc có ý nghĩa gì ? (vì người ta nghĩ rằng, chết là chuyển sang một thế giới khác và con người vẫn phải lao động).

b) Sơ kết

Cuộc sống của người thời Hoà Bình – Bắc Sơn – Hạ Long đã khác trước nhiều : nhờ trồng trọt, chăn nuôi nên cuộc sống dần ổn định, ngày càng tiến bộ. Cuộc sống phong phú hơn (thị tộc mẫu hệ), tốt đẹp hơn. Để giúp HS dễ tiếp cận hơn, GV có thể cùng HS sơ kết về các mặt : sản xuất, xã hội, tinh thần.

Đây là một giai đoạn quan trọng mở đầu cho bước tiếp sau, vượt qua thời nguyên thuỷ.

c) Gợi ý về câu hỏi kiểm tra

- Bước phát triển trong lao động sản xuất và ý nghĩa của nó.
- Những điểm mới trong tổ chức xã hội và cuộc sống tinh thần.

IV – Tài liệu tham khảo

Đồ gốm là một thành tựu kĩ thuật rất quan trọng của người thời Hoà Bình – Bắc Sơn – Hạ Long. Tuy nhiên, đây là một quá trình : thời Bắc Sơn, gốm còn rất thô, độ nung chưa cao. Sang thời Quỳnh Văn, đồ gốm tốt hơn, mặt ngoài của các đồ gốm có vết chải và được phủ một lớp đất mịn làm cho nó nhẵn hơn và đẹp. Ở thời Hạ Long, muộn hơn một ít, con người làm đồ gốm bằng bàn xoay (trước đó chưa biết). Số hình loại cũng phong phú hơn : nồi niêu, vò, hũ, bát, ấm, có thứ miệng loe, có thứ hình nhiều cạnh. Trên mặt gốm có in hoa văn thừng hoặc hình những đường song song cắt nhau thành những ô vuông, ô hình trám, hình tam giác. Ở Bàu Tró, đồ gốm đẹp hơn, mặt ngoài có hoa văn hình hoạ những đường song song cắt nhau hay uốn cong, hình chữ S kề nhau hay nối đuôi nhau. Một số nồi vò có gắn một thỏi đất dài 4–5cm làm tai để bưng hay nâng.

(Theo : *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, Sđd)